

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2024/DS-PT

Ngày 24/5/2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hoàng Thành;

Ông Trần Nam Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 đến 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 67/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Dương Thị Tuyết Tr;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**- Bị đơn:**

1. Bà Châu Thị Ngọc D;

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Diễm M (Diễm M);

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Diễm Tr1;

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. Ông Trần Tấn H;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 và ông Trần Tấn H:* Bà Sơn Thị Ph, Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Số 437/62, Quốc lộ 1, khóm X, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đặng Thị Bé N;

Địa chỉ: Số 257/6, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà Dương Thị Ph1;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Bà Thạch Thị D1;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Bà Đoàn Thị Ph2;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Ông Dương Thanh H1;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị Th;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Bà Lê Thị Ngọc N1;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

8. Bà Nguyễn Thị B;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9. Bà Lê Thị U;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

10. Bà Đoàn Thanh Ph3;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

11. Ông Nguyễn Văn Đ;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Châu Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Diễm M, bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 và ông Trần Tấn H - Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết Tr trình bày:*

Bà Châu Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Diễm M, Nguyễn Thị Diễm Tr1 và ông Trần Tấn H là hội viên, tham gia nhiều dây hội do bà làm chủ hội. Sau khi hốt hội, bà D, bà M, bà Tr1 và ông H không đóng hội chết cho bà, cụ thể như sau:

- Đối với bà Châu Thị Ngọc D:

Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 19/8/2021 âm lịch, có 02 dây hội, mỗi dây có 24 phần, bà D tham gia 04 phần, trong danh sách hội ghi tên “*chị D*”. Bà D hốt hội đầu tiên cả 04 phần số tiền 129.400.000 đồng. Sau khi hốt hội, bà D đóng hội chết đến tháng 02/2023 âm lịch, kể từ tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng không đóng hội chết cho bà. Hai dây hội này kết thúc tháng 6/2023 âm lịch. Bà D còn thiếu bà 04 lần hội chết x 04 phần x 2.000.000 đồng = 32.000.000 đồng.

Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/4/2022 âm lịch, có 24 phần, bà D tham gia 03 phần, trong danh sách hội ghi tên “*chị D*”. Bà D hốt hội đầu tiên số tiền 97.050.000 đồng. Sau khi hốt hội, bà D đóng hội chết đến tháng 02/2023 âm lịch, kể từ tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng không đóng hội chết cho bà. Dây hội này đến tháng 02/2024 âm lịch kết thúc. Đến thời điểm khởi kiện, bà D thiếu bà 04 lần hội chết x 03 phần x 2.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 19/9/2022 âm lịch, có 02 dây hội, mỗi dây có 24 phần, bà D tham gia 02 phần, trong danh sách hội ghi tên “*D Tr1*”. Bà D hốt hội đầu tiên 01 phần với số tiền 32.350.000 đồng, còn 01 phần chưa hốt. Sau khi hốt hội, bà D đóng hội chết đến tháng 02/2023 âm lịch, kể từ tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng không đóng hội chết cho bà. Dây hội này đến tháng 7/2024 âm lịch mới kết thúc. Đến thời điểm khởi kiện, bà D thiếu bà 04 lần hội chết x 01 phần x 2.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

- Đối với bà Nguyễn Thị Diễm M:

Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 09/4/2021 âm lịch, có 24 phần, bà M tham gia 03 phần, trong danh sách hội ghi tên “*M*”. Bà M hốt đầu tiên cả 03 phần số tiền 97.050.000 đồng. Sau khi hốt hội, bà M đóng hội chết đến tháng 02/2023 âm lịch, kể từ tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng không đóng hội chết cho bà. Dây hội này kết thúc vào tháng 3/2023 âm lịch. Bà M còn thiếu lại bà 01 lần hội chết x 03 phần x 2.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 19/8/2021 âm lịch, có 02 dây hội, mỗi dây có 24 phần, bà M tham gia 04 phần, trong danh sách hội ghi tên “*M*”. Bà M hốt hội đầu tiên 04 phần số tiền 129.400.000 đồng. Sau khi hốt hội, bà M đóng hội chết đến tháng 02/2023 âm lịch, kể từ tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng không đóng hội chết cho bà. Hai dây hội này kết thúc vào tháng 6/2023 âm lịch. Bà M còn thiếu lại bà 04 lần hội chết x 04 phần x 2.000.000 đồng = 32.000.000 đồng.

- Đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 và ông Trần Tấn H:

Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 09/4/2021 âm lịch, có 24 phần, bà Tr1 - ông H tham gia 04 phần, trong danh sách hội ghi tên “*Tr1*”. Bà Tr1 - ông H hốt đầu tiên 04 phần số tiền 129.400.000 đồng. Sau khi hốt hội, bà Tr1 - ông H đóng hội chết đến tháng 02/2023 âm lịch, kể từ tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng

không đóng hui chết cho bà. Dây hui này kết thúc vào tháng 3/2023 âm lịch. Bà Tr1 - ông H còn thiếu lại bà 01 lần hui chết x 04 phần x 2.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

Hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 19/8/2021 âm lịch, có 02 dây hui, mỗi dây hui có 24 phần, bà Tr1 - ông H tham gia mỗi dây 03 phần, tổng cộng 06 phần, trong danh sách hui ghi tên “Tr1”. Bà Tr1 - ông H hót hui đầu tiên 06 phần số tiền 194.100.000 đồng. Sau khi hót hui, bà Tr1 - ông H đóng hui chết đến tháng 02/2023 âm lịch, kể từ tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng không đóng hui chết cho bà. Hai dây hui này kết thúc vào tháng 6/2023 âm lịch. Bà Tr1 - ông H còn thiếu lại bà 04 lần hui chết x 06 phần x 2.000.000 đồng = 48.000.000 đồng.

Hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 09/02/2022 âm lịch, có 02 dây hui, mỗi dây có 24 phần, bà Tr1 tham gia mỗi dây 01 phần, tổng cộng 02 phần, trong danh sách hui ghi tên “Tr1 (D)”. Bà Tr1 hót hui đầu tiên 02 phần số tiền 64.700.000 đồng. Sau khi hót hui, bà Tr1 đóng hui chết đến tháng 02/2023 âm lịch, kể từ tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng không hui chết cho bà. Hai dây hui này kết thúc vào tháng 12/2023 âm lịch. Đến thời điểm khởi kiện, bà Tr1 thiếu bà 04 lần hui chết x 02 phần x 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

Hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/4/2022 âm lịch, có 24 phần, bà Tr1 - ông H tham gia 03 phần, trong danh sách hui ghi tên “Tr1”. Bà Tr1 - ông H hót hui đầu tiên 03 phần với số tiền 97.050.000 đồng. Sau khi hót hui, bà Tr1 - ông H đóng hui chết đến tháng 02/2023 âm lịch, kể từ tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng không đóng hui chết cho bà. Dây hui này kết thúc vào tháng 02/2024 âm lịch. Đến thời điểm khởi kiện, bà Tr1 - ông H thiếu bà 04 lần hui chết x 03 phần x 2.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 19/9/2022 âm lịch, có 02 dây hui, mỗi dây có 24 phần, bà Tr1 - ông H tham gia mỗi dây 01 phần, tổng cộng 02 phần, trong danh sách hui ghi tên “Tr1 D”. Bà Tr1 - ông H hót hui đầu tiên 02 phần số tiền 64.700.000 đồng. Sau khi hót hui, bà Tr1 - ông H đóng hui chết đến tháng 02/2023 âm lịch, kể từ tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng không đóng hui chết cho bà. Hai dây hui này kết thúc vào tháng 7/2024 âm lịch. Đến thời điểm khởi kiện, bà Tr1 - ông H thiếu bà 04 lần hui chết x 02 phần x 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong 05 dây hui nêu trên, vào tháng 02/2023 âm lịch, số tiền hui chết bà Tr1 phải đóng cho bà là 64.000.000 đồng nhưng chỉ giao được có 40.000.000 đồng, còn thiếu 24.000.000 đồng.

Như vậy, đến thời điểm khởi kiện, tổng số tiền hui bà Tr1 - ông H còn thiếu bà là 8.000.000 đồng + 48.000.000 đồng + 16.000.000 đồng + 24.000.000 đồng + 16.000.000 đồng + 24.000.000 đồng = 136.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà D có trách nhiệm trả cho bà tiền hui còn thiếu 64.000.000 đồng; bà M có trách nhiệm trả cho bà tiền hui còn thiếu 38.000.000 đồng và vợ chồng bà Tr1 - ông H có trách nhiệm liên đới trả

cho bà tiền hụi còn thiếu 136.000.000 đồng. Bà yêu cầu tính lãi suất từ ngày 06/5/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu các bị đơn trả lãi từ ngày làm đơn khởi kiện (ngày 05/7/2023) cho đến ngày xét xử và lãi trong giai đoạn thi hành án.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Châu Thị Ngọc D trình bày:*

Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà Tr làm chủ hụi từ năm 2017, bà dùng số tiền hốt hụi được để làm vốn kinh doanh tạp hóa, bia, nước ngọt. Đến cuối năm 2019, bà bị bệnh trong thời gian dài nên tốn nhiều chi phí, nguồn vốn kinh doanh không được bảo tồn, để xoay sở đóng hụi và có vốn mua bán hàng ngày nên bà tham gia hụi của bà Tr, cụ thể:

Dây hụi mở ngày 09/4/2021 âm lịch, có 24 phần, bà tham gia 07 phần, mỗi phần hốt được 32.350.000 đồng x 07 phần = 226.450.000 đồng. Dây hụi này đã mãn.

Dây hụi mở ngày 19/8/2021 âm lịch, có 24 phần, có 02 dây, bà tham gia 07 phần/dây, tổng cộng 14 phần, bà hốt được 32.350.000 đồng/phần x 14 phần = 452.900.000 đồng. Bà đã đóng hụi chết được 20 lần của 14 phần là 560.000.000 đồng.

Dây hụi mở ngày 09/02/2022 âm lịch, có 24 phần, bà tham gia 02 phần, hốt được 32.350.000 đồng/phần x 02 phần = 64.700.000 đồng. Bà đã đóng hụi chết được 14 lần của 02 phần với số tiền 56.000.000 đồng.

Dây hụi mở ngày 15/4/2022 âm lịch, có 24 phần, bà tham gia 03 phần, hốt được 32.350.000 đồng/phần x 03 phần = 97.050.000 đồng. Bà đã đóng hụi chết được 12 lần của 03 phần với số tiền 72.000.000 đồng.

Dây hụi mở ngày 19/9/2022 âm lịch, có 24 phần, có 02 dây, bà tham gia 02 phần/dây, đã hốt 03 phần được 32.350.000 đồng/phần x 03 phần = 97.050.000 đồng. Bà đã đóng lại 07 lần hụi chết của 03 phần với số tiền 42.000.000 đồng. Phần hụi sống bà đóng được 08 lần là 12.400.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 10/2022 âm lịch bà có vay của bà Tr 15.000.000 đồng, lãi 10%/tháng. Bà đóng lãi đầy đủ đến tháng 02 âm lịch sau thì không còn khả năng đóng nữa. Ngày 30/5/2023 âm lịch, bà Tr có nhận tiền lãi của bà 1.700.000 đồng của phần tiền hụi 34.000.000 đồng.

Trong các dây hụi trên chỉ có bà tham gia với bà Tr, con bà là Nguyễn Thị Diễm Tr1 chỉ tham gia dây hụi mở ngày 15/4/2022 âm lịch, Nguyễn Thị Diễm M thì không tham gia dây hụi nào, chỉ có 01 lần bà nhờ đi lấy tiền hốt hụi thì bà Tr có yêu cầu M ghi tên “Tr1” và “M” vào để biết có số tiền này. Bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật và xin trả nợ cho bà Tr mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm M (Diễm M) trình bày:*

Từ trước đến nay, bà không có tham gia chơi hụi với bà Tr nên việc bà Tr ghi tên bà vào sổ hụi, khởi kiện đòi bà số tiền hụi 38.000.000 đồng là không đúng sự thật. Bà không tham gia khui hụi, giao nhận tiền hụi với bà Tr, chỉ có ngày 01/9/2022 bà có chở mẹ là bà Châu Thị Ngọc D đến nhà bà Tr nhận tiền hốt hụi, thấy vậy bà Tr kêu bà ghi tên dùm chị bà là bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 và bà ký nhận nội dung bà D đã nhận tiền hụi, bà ký bên dưới chứng kiến hai bên giao nhận tiền.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 trình bày:*

Bà không có tham gia 04 dây hụi do bà Tr làm chủ mở ngày 09/4/2021 âm lịch, ngày 19/8/2021 âm lịch, ngày 09/02/2022 âm lịch và ngày 19/9/2022 âm lịch. Đối với dây hụi mở ngày 15/4/2022 âm lịch, gồm 24 phần, bà có tham gia 03 phần, hốt đầu tiên được số tiền 32.350.000 đồng/phần x 03 phần = 97.050.000 đồng. Số tiền hụi này bà dùng phụ giúp bà D (mẹ của bà) kinh doanh để có tiền trang trải sinh hoạt và điều trị bệnh. Ông Trần Tấn H (chồng bà) không biết gì, đây là nợ riêng của bà, bà tự chịu trách nhiệm hoàn trả cho bà Tr.

Đối với biên nhận ngày 01/9/2021 có ghi tên bà nhận tiền nhưng thực tế bà không có nhận tiền như biên nhận này.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Tấn H đều trình bày:*

Ông không có tham gia chơi hụi với bà Tr. Chữ ký trong biên nhận nhận tiền ngày 01/6/2022 là chữ ký của vợ ông (bà Tr1).

Tại Bản án số 17/2024/DS-ST ngày 22/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 288, Điều 351, Điều 357, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 16, Điều 22, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, về hụi, họ, biếu, phượng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận việc thay đổi một phần đơn khởi kiện và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Tuyết Tr.*

*2. Buộc bà Châu Thị Ngọc D có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Tuyết Tr tiền hụi còn thiếu 64.000.000 đồng và tiền lãi 3.488.213 đồng. Tổng cộng vốn, lãi 67.488.213 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm mười ba đồng).*

3. Buộc bà Nguyễn Thị Diễm M (Diễm M) có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Tuyết Tr tiền hụi còn thiếu 38.000.000 đồng và tiền lãi 2.071.127 đồng. Tổng cộng vốn, lãi 40.071.127 đồng (Bốn mươi triệu không trăm bảy mươi một nghìn một trăm hai mươi bảy đồng).

4. Buộc bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 và ông Trần Tấn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Dương Thị Tuyết Tr tiền hụi còn thiếu 136.000.000 đồng và lãi 7.412.453 đồng. Tổng cộng vốn lãi 143.412.453 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm mười hai nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng).

5. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05/3/2024, bà M, bà Tr1 và ông H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr.

Ngày 05/3/2024, bà D cũng có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết trong dây hụi mở ngày 19/8/2021 âm lịch bà chỉ tham gia có 13 phần theo biên nhận hụi ngày 19/8/2021, còn đối với dây hụi ngày 09/4/2021 âm lịch bà đã đóng đủ 24 phần nhưng bà Tr nói còn 01 phần chưa đóng là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà D, bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H có mặt tại phiên tòa vào ngày 22/5/2024 sau đó thì có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; các bị đơn đều không rút kháng cáo. Đồng thời, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tr1 và ông H cho rằng, trong 05 dây hụi mà bà Tr khởi kiện yêu cầu bà Tr1 trả tiền hụi còn thiếu thì bà Tr1 chỉ thừa nhận 02 dây hụi mở ngày 19/8/2021 âm lịch và ngày 15/4/2022 âm lịch. Các dây hụi do bà Tr mở, về hình thức thì không tuân thủ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, các bên thỏa thuận lãi hụi cũng vượt quá quy định, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại lãi suất đối với 02 dây hụi này, còn 03 dây hụi mở ngày 09/4/2021 âm lịch, ngày 09/02/2022 âm lịch, ngày 19/9/2022 âm lịch, cũng như số tiền nợ hụi do đóng hụi chết các lần trước còn thiếu 24.000.000 đồng thì bà Tr1 không thừa nhận, bà Tr cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, nhưng cấp sơ thẩm chấp nhận là không có

căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại. Đối với ông H không có tham gia chơi hụi, ông H cũng không biết việc bà Tr1 chơi hụi, bà Tr1 cũng không đem số tiền hụi về phục vụ chung cho cuộc sống gia đình, bà Tr cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nhưng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Tr, buộc ông H liên đới với bà Tr1 trả tiền hụi còn thiếu là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Tr1 và ông H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà D là không có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của bà M và bà Tr1 là có căn cứ một phần, còn yêu cầu kháng cáo của ông H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà D, chấp nhận một phần kháng cáo của bà M, bà Tr1, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông H, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm liên quan đến bà M, bà Tr1 và ông H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các bị đơn bà Châu Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Diễm M, ông Trần Tấn H và những người làm chứng: Những người này đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm, đối với bà D, bà M và ông H thì có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn tất cả những người làm chứng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án mà không hoãn phiên tòa.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Châu Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Diễm M, bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 và ông Trần Tấn H đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn bà D, bà M, bà Tr1 và ông H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Đối với kháng cáo của bà D: Bà Tr khởi kiện cho rằng bà D tham gia các dây hụi tháng 2.000.000 đồng mở vào ngày 19/8/2021 âm lịch, ngày 15/4/2022 âm lịch, ngày 19/9/2022 âm lịch. Bà D cũng thừa nhận có tham gia chơi các dây hụi này. Số phần hụi bà D tham gia các dây hụi này thì hai bên trình bày thống nhất được dây hụi mở ngày 15/4/2022, bà D tham gia 03 phần là người hốt hụi đầu tiên; thống nhất được dây hụi mở ngày 19/9/2022 âm lịch, bà D tham gia 02 phần, hốt đầu tiên 01 phần, còn 01 phần hụi chưa hốt. Đối với dây hụi mở ngày 19/8/2021, hai bên trình bày số phần hụi tham gia không thống

nhất, mâu thuẫn với nhau, theo bà Tr khởi kiện thì bà D tham gia 04 phần và đã hót hụi hết, còn bà D trình bày tham gia 14 phần và đã hót hụi hết. Theo danh sách hụi viên ngày 19/8/2021 âm lịch do bà Tr cung cấp (bút lục 13), bà D tham gia 04 phần. Bà D cũng thừa nhận đã hót hụi đối với các dây hụi nêu trên (trừ dây hụi mở ngày 19/9/2022 còn 01 phần chưa hót). Theo bà Tr, đối với dây hụi mở ngày 19/8/2021 đã kết thúc vào tháng 6/2023 âm lịch, đến thời điểm khởi kiện (ngày 05/7/2023), bà D còn thiếu 04 lần hụi chết x 04 phần x 2.000.000 đồng = 32.000.000 đồng; dây hụi mở ngày 15/4/2022 kết thúc vào tháng 02/2024 âm lịch, đến thời điểm khởi kiện, bà D còn thiếu 04 lần hụi chết x 03 phần x 2.000.000 đồng = 24.000.000 đồng; dây hụi mở ngày 19/9/2022 kết thúc vào tháng 7/2024 âm lịch, đến thời điểm khởi kiện, bà D còn thiếu 04 lần hụi chết x 01 phần x 2.000.000 đồng = 8.000.000 đồng; tổng cộng 03 dây hụi này bà D còn thiếu 64.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Tr, buộc bà D trả số tiền hụi còn thiếu 64.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ khi bà Tr khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 3.488.213 đồng là có căn cứ.

[5] Bà D kháng cáo cho rằng dây hụi mở ngày 19/8/2021 âm lịch bà chỉ tham gia có 13 phần chứ không phải 14 phần, đối với dây hụi ngày 09/4/2021 âm lịch bà đã đóng đủ 24 phần nhưng bà Tr nói còn 01 phần chưa đóng là không đúng, đối với dây hụi ngày 19/9/2022 bà còn 01 phần hụi sống chưa hót nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét, trừ căn cho bà nên bà yêu cầu xem xét lại. Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với dây hụi mở ngày 19/8/2021 thì tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà gửi cho Tòa án, bà cũng đã xác định lại là tham gia 14 phần, còn dây hụi mở ngày 09/4/2021 âm lịch bà Tr không có kiện bà, bà yêu cầu xem xét lại là không có căn cứ, đối với dây hụi mở ngày 19/9/2022 âm lịch thì chưa mãn, bà cũng chưa phải là người hót hụi nên chưa có cơ sở để trừ căn. Ngoài ra, bà yêu cầu xem xét lại mức lãi suất của các dây hụi theo quy định của pháp luật là không có căn cứ, bởi lẽ tại thời điểm mở hụi, lãi suất là do các bên thỏa thuận và các bên cũng không có ai tranh chấp về phần lãi suất trong hụi, bà cũng đã lĩnh hụi xong nên phải có nghĩa vụ hoàn trả lại các phần hụi chết chưa đóng. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với kháng cáo của bà M: Bà Tr khởi kiện cho rằng bà M tham gia dây hụi mở ngày 09/4/2021 âm lịch và ngày 19/8/2021 âm lịch; bà M thì không thừa nhận có tham gia. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Tr có cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 01/9/2021 thể hiện nội dung bà Tr1 có nhận tiền hụi của bà Tr 420.550.000 đồng gồm 13 phần hụi đã hót (hụi 24 phần, khai ngày 19/8/2021), trừ tiền hụi cũ 262.000.000 đồng, còn lại 158.550.000 đồng và còn lại 1 phần hụi sống (hụi 2.000.000 đồng khai ngày 19/8/2021), biên nhận có chữ ký của bà D, bà M; trong danh sách hụi cũng thể hiện bà M tham gia 04 phần; nên cấp sơ thẩm xác định bà M có tham gia dây hụi này, đã hót hụi, đóng hụi chết đến tháng 02/2023 âm lịch, còn thiếu bà Tr 04 lần hụi chết x 04 phần x 2.000.000 đồng, với số tiền 32.000.000 đồng và buộc bà M trả cho bà Tr số tiền này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; bà M kháng cáo cho rằng bà không tham gia dây hụi này là không có căn cứ chấp nhận. Đối với dây hụi

mở ngày 09/4/2021 âm lịch, ngoài danh sách hui do bà Tr lập ra, thì không có chứng cứ nào khác thể hiện bà M có tham gia. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tr cho rằng bà ghi tên bà M trong dây hui này là do bà Tr1 kêu ghi tên bà M. Mặt khác, bà D thừa nhận dây hui này bà tham gia chứ không phải bà M. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, xác định bà M có tham gia dây hui này, buộc bà M trả cho bà Tr số tiền hui chết còn thiếu 01 lần x 03 phần x 2.000.000 đồng, với số tiền 6.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là chưa đủ cơ sở, cho nên bà M kháng cáo cho rằng bà không tham gia dây hui này là có căn cứ. Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà M, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tr, buộc bà M trả cho bà Tr số tiền hui chết còn thiếu của dây hui mở ngày 19/8/2021 âm lịch với số tiền 32.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 1.744.106 đồng (tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm), còn dây hui còn lại thì không chấp nhận.

[7] Đối với kháng cáo của bà Tr1: Bà Tr khởi kiện cho rằng bà Tr1 tham gia các dây hui mở ngày 09/4/2021, 19/8/2021, 09/02/2022, 15/4/2022 và ngày 19/9/2022 (tính theo ngày âm lịch). Trong 05 dây hui này, bà Tr1 chỉ thừa nhận có tham gia dây hui mở ngày 15/4/2022, đã hốt đầu, bà Tr1 có ký nhận tiền hốt hui; qua đối chiếu cho thấy số tiền hốt hui cũng như số phần hui là trùng khớp, bà Tr1 còn nợ bà Tr 04 lần hui chết (tính đến tháng 6/2023 âm lịch) x 03 phần x 2.000.000 đồng = 24.000.000 đồng. Đối với dây hui ngày 19/8/2021, bà Tr1 cho rằng bà D (mẹ của bà) tham gia, nhưng trong biên nhận ngày 01/9/2021 thể hiện nội dung bà có nhận tiền hốt hui và tại phiên tòa phúc thẩm, bà cũng đồng ý trả, dây hui này bà còn nợ bà Tr 04 lần hui chết x 06 phần x 2.000.000 đồng = 48.000.000 đồng; do đó cấp sơ thẩm buộc bà trả cho bà Tr tiền hui chết còn thiếu của 02 dây hui này là có căn cứ. Bà yêu cầu xem xét lại mức lãi suất của các dây hui theo quy định của pháp luật là không có căn cứ, bởi lẽ tại thời điểm mở hui, lãi suất là do các bên thỏa thuận và các bên cũng không có ai tranh chấp về phần lãi suất trong hui, bà cũng đã lĩnh hui xong nên phải có nghĩa vụ hoàn trả lại các phần hui chết chưa đóng. Đối với 03 dây hui mở vào các ngày 09/4/2021, ngày 09/02/2022, ngày 19/9/2022 và số tiền 24.000.000 đồng mà bà Tr cho rằng bà Tr1 đóng hui các lần trước không đủ, còn thiếu thì bà Tr1 không thừa nhận; ngoài danh sách hui do bà Tr lập ra thì bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Tr1 có tham gia các dây hui này, cũng như bà Tr1 đóng hui các lần trước không đủ, còn thiếu lại 24.000.000 đồng; trong khi bà D (mẹ bà Tr1) thừa nhận các dây hui này là bà tham gia chứ không phải bà Tr1. Như vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, buộc bà Tr1 trả cho bà Tr tiền hui chết còn thiếu của 03 dây hui này cộng với số tiền 24.000.000 đồng đóng hui các lần trước chưa đủ, tổng cộng 64.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là chưa đủ cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Tr1, chấp nhận một phần yêu cầu của bà Tr, buộc bà Tr1 trả cho bà Tr số tiền hui chết còn thiếu của 02 dây hui mở ngày 19/8/2021 và ngày 15/4/2022 tổng cộng 72.000.000 đồng và tiền lãi do chậm

thực hiện nghĩa vụ (tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm) 3.944.240 đồng, còn các yêu cầu còn lại không có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với kháng cáo của ông H: Bà Tr khởi kiện cho rằng ông H cùng với bà Tr1 tham gia 05 dây hụi nêu trên, nhưng ông H không thừa nhận, trong danh sách hụi do bà Tr cung cấp cũng không thể hiện có tên ông H. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cho rằng ông đi làm ở Sóc Trăng thường xuyên không có ở nhà vợ, chỉ ở nhà vào cuối tuần, không biết việc bà Tr1 tham gia chơi hụi của bà Tr, còn bà Tr1 cho rằng bà chơi hụi là phụ giúp mẹ bà kinh doanh, chữa bệnh, không cho ông H biết và cũng không có đem tiền về nhà; bà Tr cho rằng ông H biết bà Tr1 tham gia chơi hụi và ông H sống chung bên vợ, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Như vậy, tiền nợ hụi là nợ riêng của bà Tr1. Cấp sơ thẩm nhận định ông H là chồng bà Tr1, sống chung nhà gia đình vợ, bà Tr1 chơi hụi số tiền lớn, khi bà Tr1 hốt hụi, đóng hụi ông H không phản đối, từ đó căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, buộc ông H có trách nhiệm liên đới với bà Tr1 trả tiền nợ hụi cho Tr là chưa đủ cơ sở. Do đó, kháng cáo của ông H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[9] Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Tr1, ông H cho rằng các dây hụi bà Tr mở không tuân thủ về hình thức, cũng như lãi suất theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ nên đề nghị xem xét lại phần lãi hụi đối với các dây hụi mà bà Tr1 thừa nhận tham gia. Đề nghị này là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ như đã phân tích ở trên, tại thời điểm mở hụi, lãi suất là do các bên thỏa thuận và các bên cũng không có ai tranh chấp về phần lãi suất trong hụi, bà Tr1 cũng đã lĩnh hụi xong, cho nên nghĩa vụ của hụi viên là phải hoàn trả lại tiền hụi chết còn thiếu.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tr1 và ông H; chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông H, chấp nhận một phần kháng cáo của bà M, bà Tr1 và không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà D, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần các yêu cầu khởi kiện của bà Tr, cụ thể buộc bà D trả cho bà Tr tiền hụi chết còn thiếu của 03 dây hụi là 64.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 3.488.213 đồng, buộc bà M trả cho bà Tr tiền hụi chết còn thiếu 32.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 1.744.106 đồng, buộc bà Tr1 trả cho bà Tr tiền hụi chết còn thiếu của 02 dây hụi là 72.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 3.944.240 đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tr về việc yêu cầu bà M trả tiền hụi chết của dây hụi ngày 09/4/2021 âm lịch số tiền 6.000.000 đồng, bà Tr1 trả tiền hụi chết của các dây hụi ngày 09/4/2021, ngày 09/02/2022 và ngày 19/9/2022 với số tiền 40.000.000 đồng, tiền hụi chết các lần trước trả còn thiếu 24.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr về việc yêu cầu ông H liên đới với bà Tr1 trả số tiền hụi mà bà Tr1 thiếu bà Tr.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần nên căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (gọi tắt là Nghị quyết 326), Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: Bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là  $70.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.500.000 \text{ đồng}$ ; bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà Tr được chấp nhận là  $67.488.213 \text{ đồng} \times 5\% = 3.374.410 \text{ đồng}$ ; bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà Tr được chấp nhận là  $33.744.106 \text{ đồng} \times 5\% = 1.687.205 \text{ đồng}$ ; bà Tr1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà Tr được chấp nhận là  $75.944.240 \text{ đồng} \times 5\% = 3.797.212 \text{ đồng}$ ; còn ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Đối với các phần hồi của 03 dây hồi mở vào các ngày 09/4/2021, ngày 09/02/2022, ngày 19/9/2022 bà Tr kiện bà Tr1; dây hồi mở ngày 09/4/2021 bà Tr kiện bà M, Hội đồng xét xử không chấp nhận, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà D đều thừa nhận là do bà tham gia chứ bà M, bà Tr1 không tham gia nên bà Tr được quyền khởi kiện bà D thành vụ án dân sự khác.

[13] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 nêu trên thì những người kháng cáo gồm bà D, bà M, bà Tr1, ông H không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Châu Thị Ngọc D;

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Trần Tấn H;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm M (Diễm M) và bà Nguyễn Thị Diễm Tr1.

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 288, Điều 351, Điều 357,*

Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 16, Điều 22, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ, về hội, họ, biểu, phường; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

*1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Tuyết Tr.*

*Buộc bà Châu Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Tuyết Tr tiền hội còn thiếu 64.000.000 đồng và tiền lãi 3.488.213 đồng, tổng cộng 67.488.213 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm mười ba đồng).*

*Buộc bà Nguyễn Thị Diễm M (Diễm M) có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Tuyết Tr tiền hội còn thiếu 32.000.000 đồng và tiền lãi 1.744.106 đồng, tổng cộng 33.744.106 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm lẻ sáu đồng).*

*Buộc bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Tuyết Tr tiền hội còn thiếu 72.000.000 đồng và lãi 3.944.240 đồng, tổng cộng 75.944.240 đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi đồng).*

*Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong; hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Tuyết Tr, về việc: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Diễm M (Diễm M) trả tiền hội còn thiếu số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 trả tiền hội còn thiếu số tiền tổng cộng 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ. Yêu cầu ông Trần Tấn H liên đới với bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 trả số tiền hội mà bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 thiếu.*

*1.3. Án phí dân sự sơ thẩm:*

*Bà Dương Thị Tuyết Tr phải chịu án phí có giá ngạch 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.950.000 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010488, 0010489, 0010490, cùng ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà được hoàn lại số tiền chênh lệch là 2.450.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).*

*Bà Châu Thị Ngọc D phải chịu án phí có giá ngạch 3.374.410 đồng (Ba triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm mười đồng).*

*Bà Nguyễn Thị Diễm M (Diễm M) phải chịu án phí có giá ngạch 1.687.205 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm lẻ năm đồng).*

*Bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 phải chịu án phí có giá ngạch 3.797.212 đồng (Ba triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm mười hai đồng).*

*Ông Trần Tấn H không phải chịu.*

## **2. Án phí dân sự phúc thẩm:**

Bà Châu Thị Ngọc D không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003636 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Nguyễn Thị Diễm M (Diễm M) không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003637 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Nguyễn Thị Diễm Tr1 không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003639 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Trần Tấn H không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003640 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**3.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

## **4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

### **Nơi nhận:**

- TAND huyện Kế Sách;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Hoàng Lâm**